TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 458/2026/DS-ST Ngày 03 – 8 – 2026 V/v tranh chấp HĐ vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lên

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 672/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 652/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1957; Căn cước công dân số 096057005138, cấp ngày 02/7/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp 7, xã S, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp R, xã S, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1997; Căn cước công dân số 096197003579, cấp ngày 12/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp 2, xã S, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp X, xã S, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07/5/2025, ông Nguyễn Phú C cho chị Nguyễn Thị Thanh H vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá quy định của Nhà nước, thời hạn vay là 02 tháng. Khi vay, hai bên có ký hợp đồng vay tài sản, được Văn phòng Công chứng Hồng Hà chứng thực. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H không trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông C. Nay ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị H trả hết số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2026 là 44.000.000 đồng, tổng hai khoản là 244.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Ngoài ra, ông C không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh H (bị đơn), Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú C (nguyên đơn), riêng ông C đã có ý kiến và xin vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Riêng nguyên đơn đã có ý kiến và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể tranh chấp hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận theo hợp đồng nên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn tuy đã được triệu tập hợp lệ song vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng căn cứ hợp đồng vay tài sản được lập ngày 07/5/2025 có bị đơn ký, viết họ tên và được Văn phòng Công chứng Hồng Hà chứng thực đã đủ cơ sở xác định việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi, tuy bị đơn vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh có hay không việc thỏa thuận mức lãi suất phải trả, việc trả tiền vốn, tiền lãi cho nguyên đơn cũng như thỏa thuận thời hạn trả tiền nhưng căn cứ Điều 3 của hợp đồng vay tài sản quy định: *"Lãi suất vay là: Do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá quy định của pháp luật"*. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng vay là 20%/năm nên thỏa thuận về lãi suất khi vay giữa các đương sự là không trái với quy định của pháp luật. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn không trả lãi từ khi vay cho đến nay và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm là có cở sở. Như vậy, tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện là 01 năm 01 tháng 08 ngày nên số tiền lãi được tính là 44.045.333 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 44.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm trả, không yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả do vi phạm thời hạn thỏa thuận trả nợ theo hợp đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử – Đây là ý chí, quyền tự định đoạt của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Từ phân tích tại [3] và [4], tổng số tiền lãi và vốn nguyên đơn được chấp nhận là 244.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, do nguyên đơn là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng

án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phú C.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Phú C số tiền 244.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, chị H không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu số tiền là 12.200.000 đồng (mười hai triệu hai trăm năm nghìn đồng – chưa nộp).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 8, 9 và 11 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân